Ngày soạn: 22/12/2022 Ngày dạy: 29/12/2022

Tiết 37

# ÔN TẬP HỌC KỲ i

( Giải đề cương phần Hình học)

Ngày soạn: 22/12/2022 Ngày kiểm tra: Theo lịch

Tiết 38

# KIỂM TRA HỌC KỲ I

|  |  |
| --- | --- |
| **Trường THCS Đồng Khởi**  **Tổ Toán – Thể Dục**  **ĐỀ 1** | **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I**  **Môn: Toán 7 (KNTTVCS)**  **Năm học: 2022 - 2023** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | | | **Tổng % điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | **Vận dụng** |
| **TNKQ** | **TL** | **TL** | **TL** |  |
| **1** | **Số hữu tỉ**  **(1,25 điểm)** | Số hữu tỉ và tập hợp các số hữu tỉ. Thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ | 1 câu  (0,25đ) |  |  |  | **12,5%** |
| Phép tính với số hữu tỉ |  |  |  | 1 câu  (1,0đ) |
| **2** | **Số thực**  **(2,25 điểm)** | Căn bậc hai số học | 2 câu  (0,5đ) | 1 câu  (1,0đ) |  |  | **22,5%** |
| Số vô tỉ. Số thực | 3 câu  (0,75đ) |  |  |  |
| **3** | **Góc, đường thẳng song song**  **(2,5 điểm)** | Góc ở vị trí đặc biệt, tia phân giác | 1 câu  (0,25đ) | 1 câu  (1,0đ) |  |  | **25%** |
| Hai đường thẳng song song. Tiên đề Euclid về đường thẳng song song | 1 câu  (0,25đ) |  | 1 câu  (1,0đ) |  |
| **4** | **Tam giác bằng nhau**  **(2,5 điểm)** | Tam giác. Tam giác bằng nhau. Tam giác cân. | 2 câu  (0,5đ) |  | 1 câu  (1,0đ) | 1 câu  (1,0đ) | **25%** |
| **5** | **Thu thập và biểu diễn dữ liệu**  **(1,5 điểm)** | Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên bảng, biểu đồ | 2 câu  (0,5đ) |  | 1 câu  (1,5đ) |  | **15%** |
| **Tổng** | | | **12** câu  **(3,0 đ)** | **2** câu  **(2,0đ)** | **3** câu  **(3,0đ)** | **2** câu  **(2,0đ)** | 19 câu  **(10 đ)** |
| **Tỉ lệ %** | | | **50%** | | **30%** | **20%** | **100%** |

|  |  |
| --- | --- |
| **Trường THCS Đồng Khởi**  **Tổ Toán – Thể Dục**  **ĐỀ 1** | **BẢNG ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ**  **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I**  **Môn: Toán 7 (KNTTVCS)**  **Năm học: 2022 – 2023** |

| **TT** | **Chương** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** |
| **1** | **Số hữu tỉ** | **Tập số hữu tỉ** | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được số hữu tỉ và lấy được ví dụ về số hữu tỉ.  – Nhận biết được số đối của một số hữu tỉ. | 1  (TN1) |  |  |
| **Phép tính với số hữu tỉ** | ***Thông hiểu:***  – Mô tả được phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ và một số tính chất của phép tính đó (tích và thương của hai luỹ thừa cùng cơ số, luỹ thừa của luỹ thừa).  – Mô tả được thứ tự thực hiện các phép tính, quy tắc dấu ngoặc vế trong tập hợp số hữu tỉ.  ***Vận dụng cao:***  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với các phép tính về số hữu tỉ. |  |  | 1  (TL13b) |
| **2** | **Số thực** | **Căn bậc hai số học** | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được khái niệm căn bậc hai số học của một số không âm. | 2  (TN2;3)  1  (TL13a) |  |  |
| **Số vô tỉ, số thực** | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được số thập phân hữu hạn và số thập phân vô hạn tuần hoàn.  – Nhận biết được số vô tỉ, số thực, tập hợp các số thực.  ***Vận dụng:***  – Thực hiện được ước lượng và làm tròn số căn cứ vào độ chính xác cho trước. | 3  (TN4;5;6) |  |  |
| **3**  **3** | **Góc, đường thẳng song song**  **Góc, đường thẳng song song** | **Góc ở vị trí đặc biệt, tia phân giác** | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được các góc ở vị trí đặc biệt (hai góc kề bù, hai góc đối đỉnh).  – Nhận biết được tia phân giác của một góc.  – Nhận biết được cách vẽ tia phân giác của một góc bằng dụng cụ học tập | 1  (TN7)  1  (TL15a) |  |  |
| **Hai đường thẳng song song.** | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được tiên đề Euclid về đường thẳng song song.  ***Thông hiểu:***  – Mô tả được một số tính chất của hai đường thẳng song song.  – Mô tả được dấu hiệu song song của hai đường thẳng thông qua cặp góc đồng vị, cặp góc so le trong. | 1  (TN8) | 1  (TL15b) |  |
| **4** | **Tam giác bằng nhau.** | **Tam giác. Tam giác bằng nhau. Tam giác cân.** | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được khái niệm hai tam giác bằng nhau.  – Nhận biết được đường trung trực của một đoạn thẳng và tính chất cơ bản của đường trung trực.  ***Vận dụng:***  – Diễn đạt được lập luận và chứng minh hình học trong những trường hợp đơn giản (ví dụ: lập luận và chứng minh được các đoạn thẳng bằng nhau, các góc bằng nhau từ các điều kiện ban đầu liên quan đến tam giác,...). | 2  (TN 9;10) | 1  (TL16b) | 1  (TL16a) |
| **5** | **Thu thập và biểu diễn dữ liệu** | **Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên bản, biểu đồ** | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được những dạng biểu diễn khác nhau cho một tập dữ liệu.  ***Thông hiểu:***  – Đọc và mô tả được các dữ liệu ở dạng biểu đồ thống kê: biểu đồ hình quạt tròn (*pie chart*); biểu đồ đoạn thẳng (*line graph*). | 2  (TN11;12) | 1  (TL14) |  |
| **Tổng số câu** | | |  | **14 câu** | **3 câu** | **2 câu** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **50%** | **30%** | **20%** |

|  |  |
| --- | --- |
| **Trường THCS Đồng Khởi**  **Tổ Toán – Thể Dục**  **ĐỀ 1** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I**  **Môn: Toán 7**  **Thời gian làm bài: 60 phút**  **Năm học: 2022 – 2023** |

**I.TRẮC NGHIỆM: (3đ)**

***Em hãy chọn 1 câu trả lời đúng nhất cho mỗi câu hỏi rồi ghi kết quả vào tờ giấy làm bài.***

1. Số đối của  là?

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

1. Kết quả phép tính  là:

**A.** – 16 **B.** 16 **C.** – 4 **D.** 4

1. Thứ tự nào sau đây đúng:

**A.**  **B.** . **C.** . **D.** .

1. Tập hợp các số thực được kí hiệu là

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

1. Trong các số sau đây số nào là số vô tỉ?

**A.**  **B.** 0,121212... **C.** 0,010010001.... **D.** - 3,12(345)

1. Trong các phân số sau đây, phân số nào viết được dưới dạng số thập phân hữu hạn?

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

1. Trong các hình vẽ dưới đây, hình vẽ nào cho biết Oz là tia phân giác của góc xOy?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |

1. Cho biết a // b, Khi đó số đo góc  trên hình vẽ bằng:

|  |  |
| --- | --- |
|  | **A**. 180o  **B.** 120o  **C.** 90o  **D.** 60o |

1. Một tam giác cân có số đo góc ở đáy bằng 700 thì số đo góc còn lại ở đáy là

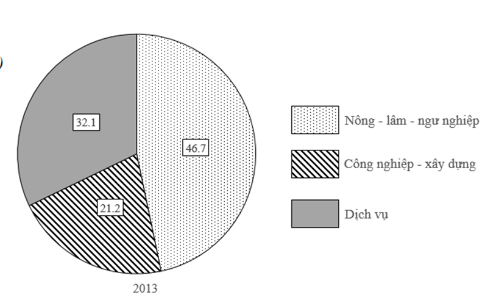
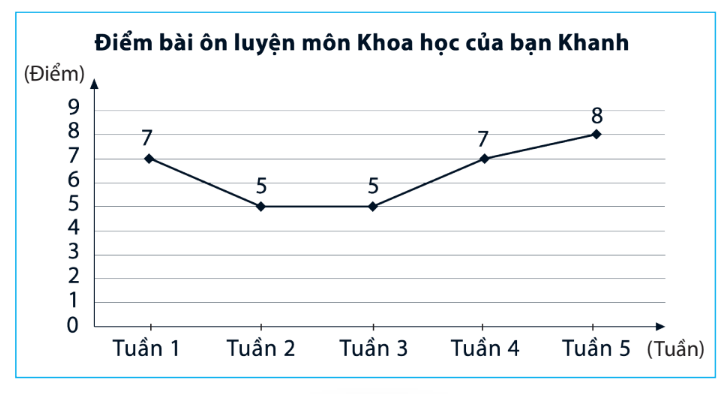
**A.** 40o **B.** 70o **C.** 110o **D.** 80o

1. Xét tam giác ABC và DEF có AB = FD, BC = DE, AC = FE. Khi đó ta có

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

1. Biểu đồ hình quạt tròn ở trang sau biểu diễn: Tỉ lệ lao động đang làm việc phân theo ngành kinh tế ở nước ta năm 2013. Hỏi tỉ lệ lao động làm việc trong ngành Công nghiệp – xây dựng chiếm tỉ lệ bao nhiêu phần trăm?

**A.** 32,1% **B.** 21,2% **C.** 46,7% **D.** 100%



**Hình 12**

1. Biểu đồ Hình 12 đoạn thẳng trong hình trên biểu diễn: Điểm bài ôn luyện môn Toán của bạn Tèo qua các tuần 1, tuần 2, tuần 3,tuần 4, tuần 5. Hãy cho biết điểm 5 của Tèo đạt được vào tuần nào?

**A.** Tuần 1 và tuần 2 **B.** Tuần 2 và tuần 3 **C.** Tuần 3 và tuần 4 **D.** Tuần 4 và tuần 5

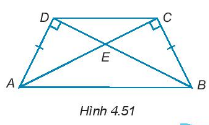
**II.TỰ LUẬN: (7đ).**

1. a) Tính giá trị biểu thức: 

b) Đơn vị *inch* trên tivi không phải chiều dài, và cũng không phải chiều rộng của tivi mà đơn vị inch ở đây chính là **độ dài đường chéo của tivi**.Cho biết 1 inch  2,54 cm. Tính độ dài đường chéo màn hình tivi 48 inches bằng đơn vị cm và làm tròn đến hàng phần chục.

1. Biểu đồ sau đây cho biết GDP của Việt Nam ở 9 tháng đầu năm của các năm từ năm 2013 đến năm 2021. Quan sát biểu đồ để trả lời các câu hỏi sau

|  |  |
| --- | --- |
| a) Năm 2018, GDP 9 tháng đầu năm của Việt Nam đạt giá trị bao nhiêu ?  b) Từ năm 2013 đến năm 2021, GDP 9 tháng đầu năm của Việt Nam có xu hướng tăng hay giảm ? |  |

Hình 16

1. Cho Hình 15

a) Tính số đo các góc . b) Giải thích tại sao a // b.

1. Cho Hình 16, Chứng minh rằng:

a) ΔADE = ΔBCE. b) ΔDEC là tam giác cân tại đỉnh E.

**HẾT**

|  |  |
| --- | --- |
| **Trường THCS Đồng Khởi**  **Tổ Toán – Thể Dục**  **ĐỀ 1** | **ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM**  **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I**  **Môn: Toán 7 – Năm học: 2022 - 2023** |

**I.Trắc nghiệm:** Mỗi lựa chọn đúng được 0,25 điểm

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| **Đáp án** | **A** | **B** | **A** | **D** | **C** | **B** | **A** | **D** | **B** | **C** | **B** | **B** |

**II.Tự luận:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| **Câu 13** | a) = | 1 đ |
| b) Đường chéo của ti vi 48 inch: | 1đ |
| **Câu 14** | a) Năm 2018, GDP 9 tháng đầu năm của Việt Nam đạt giá trị 2358,94 nghìn tỉ đồng | 0,5 đ |
| b) Từ năm 2013 đến năm 2021, GDP 9 tháng đầu năm của Việt Nam có xu hướng tăng. | 0,5 đ |
| **Câu 15** | a) | 1đ |
| b) Hs giải thích được vì sao a // b. | 1đ |
| **Câu 16** | a) Chứng minh được ΔADE = ΔBCE ( cạnh huyền\_góc nhọn) | 1đ |
| b) ΔADE = ΔBCE ⇨DE = CE⇨ ΔDEC cân tại E | 1đ |

*(Lưu ý: Mọi cách giải khác nếu đúng đều ghi điểm tối đa)*

|  |  |
| --- | --- |
| **DUYỆT CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**  Tổ trưởng  **Đặng Hồng Phong** | Hòa Thịnh, ngày 24 tháng 12 năm 2022  Giáo viên ra đề    **Mai Hoàng Sanh** |

Ngày soạn: 28/12/2022 Ngày dạy: Tuần 18

**Tiết 39 - 41**

# HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH TRẢI NGHIỆM

# DÂN SỐ VÀ CƠ CẤU DÂN SỐ VIỆT NAM (3 TIẾT)

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Tìm hiểu về dân số Việt Nam và cơ cấu dân số Việt Nam.
* Biết cách thu thập số liệu, vẽ biểu đồ, phân tích dữ liệu.
* Biết cách vẽ biểu đồ với máy tính.

**2. Năng lực**

**Năng lực chung:**

* Năng lực tự chủ và tự học trong tìm tòi khám phá
* Năng lực giao tiếp và hợp tác trong trình bày, thảo luận và làm việc nhóm
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong thực hành, vận dụng.

**Năng lực riêng:**

* Sử dụng công cụ, phương tiện học toán.
* Thu thập và tổ chức dữ liệu.
* Biểu diễn dữ liệu các loại biểu đồ hình quạt tròn, biểu đồ đoạn thẳng sự dụng Microsoft Excel.
* Phân tích dữ liệu dựa trên biểu đồ để trả lời các câu hỏi đã đặt ra.

**3. Phẩm chất**

* Có ý thức học tập, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo, có ý thức làm việc nhóm, tôn trọng ý kiến các thành viên khi hợp tác.
* Chăm chỉ tích cực xây dựng bài, có trách nhiệm, chủ động chiếm lĩnh kiến thức theo sự hướng dẫn của GV.
* Hình thành tư duy logic, lập luận chặt chẽ, và linh hoạt trong quá trình suy nghĩ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với GV:** SGK, Tài liệu giảng dạy, giáo án PPT,thước thẳng có chia khoảng.

**2. Đối với HS**: SGK, SBT, vở ghi, giấy nháp, đồ dùng học tập (bút, thước...), bảng nhóm, bút viết bảng nhóm, bài tập thống kê đã được giao về nhà.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

- HS được gợi mở về bài học liên quan đến dân số, cơ cấu dân số được biểu diễn bởi các loại biểu đồ đã học.

**b) Nội dung:** HS đọc suy nghĩ trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** HS trả lời được về các loại biểu đồ đã học và biểu đồ phù hợp với số liệu thống kê về dân số.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV yêu cầu HS nhắc lại về:

*+ Có mấy loại biểu đồ đã được học ở chương V?* (2 loại là: biểu đồ đoạn thẳng, biểu đồ hình quạt tròn).

*+ Để biểu diễn số dân Việt Nam từ năm 2011 đến 2020 mà HS đã thống kê ở nhà thì nên dùng loại biểu đồ nào?*

(Biểu đồ đoạn thẳng hoặc biểu đồ cột học ở lớp 6. Tuy nhiên để thể hiện rõ xu thế hơn ta nên dùng biểu đồ đoạn thẳng).

*+ Để biểu diễn cơ cấu dân số Việt Nam trong 1 năm nên dùng biểu đồ nào?*

(Nên dùng biểu đồ hình quạt tròn).

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận hoàn thành yêu cầu.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Qua số liệu thống kê từ trước ta về dân số Việt Nam sẽ vẽ biểu đồ và phân tích ”

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu về dân số Việt Nam và cơ cấu dân số Việt Nam.**

**a) Mục tiêu:**

- HS biết cách thu thập, biểu diễn số liệu và phân tích số liệu.

**b) Nội dung:**

HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV, làm HĐ 1, 2.

**c) Sản phẩm:** HS tìm hiểu về dân số Việt Nam, cơ cấu, vẽ được biểu đồ hìnhquạt tròn.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho làm **HĐ1:**  *+ Đại diện nhóm trình bày số liệu dân số đã thống kê ở nhà và bảng cơ cấu dân số theo giới tính và theo nơi sinh sống.*  - GV đưa ra bảng số liệu thống kê.  - GV cho HS làm **HĐ2,** làm theo nhóm đôi. Câu hỏi:  *+ Với biểu đồ đoạn thẳng: trục ngang, trục dọc biểu diễn gì, đơn vị là bao nhiêu là hợp lí, trục dọc có nên bắt đầu từ số 0 không?*  (Trả lời: trục dọc: dân số (triệu người), trục ngang:  năm, đơn vị là 2  Nên biểu diễn trục dọc không bắt đầu từ số 0, vì số dân thấp nhất là 88 triệu người).  *+ Với biểu đồ quạt tròn: mỗi hình tròn chia làm mấy hình quạt, số liệu lớn hơn thì ứng với phần quạt như thế nào?*  (Mỗi hình tròn chia làm 2 hình quạt. Số liệu lớn hơn ứng với phần quạt lớn hơn).  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS theo dõi SGK, chú ý nghe, tiếp nhận kiến thức, hoàn thành các yêu cầu, hoạt động cặp đôi, kiểm tra chéo đáp án.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, lên bảng trình bày  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và yêu cầu HS ghi chép đầy đủ vào vở. | **1. Dân số và cơ cấu dân số Việt Nam**  a) Thu thập số liệu  HĐ1:  b) Vẽ biểu đồ  HĐ2: |

**HĐ1:**

***Bảng số liệu thống kê dân số***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | 2011 | 2012 | 2013 | 2014 | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 |
| Dân số  (triệu người) | 88,15 | 89,2 | 90,19 | 91,2 | 92,23 | 93,25 | 94,29 | 95,39 | 96,48 | 97,58 |

***Bảng cơ cấu dân số (đơn vị %) theo giới tính và theo nơi sinh sống.***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Giới tính | Nam | Nữ |
| Tỉ lệ (%) | 49,8 | 50,2 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nơi sinh sống | Thành thị | Nông thôn |
| Tỉ lệ (%) | 36,8 | 63,2 |

**HĐ2:**

***Vẽ biểu đồ đoạn thẳng biểu diễn số dân của Việt Nam từ 2011 đến 2020.***

***Vẽ biểu đồ quạt thể hiện cơ cấu dân số Việt Nam năm 2020 theo giới tính:***

**Biểu đồ cơ cấu dân số Việt Nam theo nơi sinh sống năm 2020**

**Hoạt động 2: Phân tích dữ liệu. Vẽ biểu đồ hình quạt bằng Excel (tiết 2).**

**a) Mục tiêu:**

**-** HS biết cách phân tích số liệu.

- Hs biết được cách vẽ biểu đồ hình quạt tròn bằng Excel.

**b) Nội dung:** HS làm HĐ 3, thực hành vẽ biểu đồ bằng Excel.

**c) Sản phẩm:** HS phân tích được dữ liệu về dân số Việt Nam, vẽ biểu đồ bằng Excel.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **-** GV cho HS làm **HĐ3**, dựa vào số liệu đã thống kê và biểu đồ đã vẽ em hãy trả lời các câu hỏi của HĐ3.  - GV cho HS đọc số liệu và hướng dẫn HS vẽ hình bằng Excel theo các bước.  - GV có thể hỏi thêm:  *+ Nhận xét về cơ cấu thị phần của các hãng điện thoại tại Việt Nam tại thời điểm tháng 10 năm 2020? Có bao nhiêu đối tượng được biểu diễn*  *+ Hãng nào có thị phần lớn nhất, có thị phần nhỏ nhất?*  (Trả lời: Có nhiều hãng điện thoại ở Việt Nam, 6 hãng chủ yếu và các loại khác.  Hãng có thị phần lớn nhất là Samsung, hãng có thị phần nhỏ nhất là Realme).  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS theo dõi SGK, chú ý nghe, tiếp nhận kiến thức, trả lời câu hỏi và thực hành vẽ hình.  - GV: quan sát và trợ giúp HS, hướng dẫn.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS trình bày phân tích dữ liệu.  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lại cách vẽ bằng Excel. | **c) Phân tích dữ liệu**  **HĐ3:**  - Xu thế số dân của Việt Nam từ 2011 đến 2020 là tăng.  - Cơ cấu:  + Theo giới tính năm 2020, tỉ lệ số nam và số nữ là gần nhau, không bị mất cân bằng.  + Theo nơi sinh sống: tỉ lệ người dân sống ở nông thôn nhiều hơn rất nhiều so với khu vực thành thị.  - Số dân Việt Nam sống ở thành thị năm 2020:  97,58. 36,8% = 35,90944 triệu người.  - Số dân Việt Nam sống ở nông thôn năm 2020:  97,58. 63,2% = 61,67056 triệu người.  **2. Hướng dẫn thực hành với máy tính**  **a) Vẽ biểu đồ hình quạt tròn bằng Excel**  - Bước 1: Sử dụng công cụ Microsoft Excel và nhập dữ liệu  - Bước 2: Chọn vùng dữ liệu cần vẽ biểu đồ và chọn định dạng của biểu đồ hình quạt. (Trong thẻ Insert).  - Bước 3: Hoàn thiện tiêu đề, các chú giải.  (Trong thẻ Layout). |

**Hoạt động 3: Vẽ biểu đồ đoạn thẳng bằng Excel**

**a) Mục tiêu:**

- HS vẽ được biểu đồ đoạn thẳng bằng Excel.

**b) Nội dung:**

HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hình thành được , giải được

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho HS đọc số liệu và hướng dẫn HS vẽ biểu đồ đoạn thẳng theo các bước.  - GV cho HS nhận xét:  *+ Các thời điểm giảm chỉ số giá tiêu dùng từ tháng 3/2020 đến 3/2021.*  *+ Thời điểm chỉ số giá tiêu dùng cao nhất? Thời điểm thấp nhất?*  (Trả lời:  + giá tiêu dùng giảm vào khoảng thời gian: từ tháng 3 – tháng 5, 7/2020 – 1/2021.  + thời điểm cao nhất: 3/2020.  + thời điểm thấp nhất: 1/2021).  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS theo dõi SGK, chú ý nghe, tiếp nhận kiến thức, trả lời câu hỏi và thực hành vẽ hình.  - GV: quan sát và trợ giúp HS, hướng dẫn.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS trình bày phân tích dữ liệu.  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lại cách vẽ bằng Excel. | **b) Vẽ biểu đồ đoạn thẳng bằng Excel**  - Bước 1: Sử dụng công cụ Microsoft Excel và nhập dữ liệu  - Bước 2: Chọn vùng dữ liệu cần vẽ biểu đồ và chọn định dạng của biểu đồ hình quạt. (Trong thẻ Insert).  - Bước 3: Hoàn thiện tiêu đê, các chú giải.  (Trong thẻ Layout). |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức cách vẽ biểu đồ, phân tích dữ liệu.

**b) Nội dung:** HS vận dụng làm bài thêm.

**c) Sản phẩm học tập:** HS vẽ được biểu đồ, phân tích dữ liệu.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV cho HS làm hoạt động **phân tích kết quả học tập môn Toán của lớp.**

+ Mỗi tổ thống kê số lượng điểm môn Toán từ 6,5 trở lên của các trong tổ theo từng tháng: 9, 10, 11, 12. (có thể theo mẫu)

|  |  |
| --- | --- |
| **Tháng** | **Số lượng điểm tốt và khá môn Toán trong 4 tháng** |
| Tháng 9 |  |
| Tháng 10 |  |
| Tháng 11 |  |
| Tháng 12 |  |
| Tổng |  |

+ Vẽ biểu đồ đoạn thẳng biểu diễn bàng thống kê trên.

+ Vẽ biểu đồ hình quạt biểu diễn tỉ lệ phần trăm số học sinh đạt điểm tốt và khá môn Toán của từng tổ so với cả lớp theo bảng thống kê được giáo viên cung cấp.

Ví dụ:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tổ** | **Số lượng điểm tốt và khá môn Toán của tổ** | **Tỉ lệ phần trăm của mỗi tổ so với cả lớp** |
| 1 | 28 | 31% |
| 2 | 34 | 38% |
| 3 | 28 | 31% |
| **Tổng** | 90 | 100% |

+ Sau đó cho HS nhận xét, phân tích biểu đồ và báo cáo.

- Lưu ý: Bài vận dụng có thể chia làm nhiều tiết. Ví dụ:

Tiết 1: cho HS thống kê số liệu, vẽ biểu đồ đoạn thẳng.

Tiết 2: cho HS vẽ hình quạt.

Tiết 3: cho HS phân tích số liệu.

- GV tổ chức cho HS làm bài thêm

**Bài 1:** Cho tổng số dân của Việt Nam năm 2019 là 96,48 triệu người. Trong đó có 65% dân số nông thôn, 35% dân số thành thị.

a) Hãy vẽ biểu đồ hình quạt tròn biểu diễn cơ cấu dân số Việt Nam năm 2019 theo nơi sinh sống.

b) Hãy tính số dân Việt Nam sống ở thành thị, nông thôn năm 2019.

c) Vẽ biểu đồ hình quạt tròn bằng Excel.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm, hoàn thành các bài tập GV yêu cầu.

- GV quan sát và hỗ trợ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- HS trình bày bài kết quả, các HS khác chú ý lắng nghe, nhận xét.

- GV quan sát, hướng dẫn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét, đánh giá, đưa ra đáp án đúng.

**Kết quả:**

**Bài 1:**

a)

b) Số dân ở thành thị năm 2019: 96,48. 35% = 33,768 (triệu người)

Số dân ở nông thôn năm 2019: 62,712 (triệu người).

c) Cho HS nêu lại cách vẽ bằng Excel.

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

* Ghi nhớ kiến thức trong bài.
* Hoàn thành các bài tập trong SBT.